

Bản án số: 21/2025/HS-ST
Ngày 17 - 02 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH THÁI NGUYÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sái Đức Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đình Hiệp; Ông Chu Văn Hùng.

Thư ký phiên tòa: Bà Ma Thị Huyền Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lệ Xuân - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố T mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 369/2024/TLST-HS ngày 03 tháng 12 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST-HS ngày 02/01/2025, theo quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2025/HSST-QĐ ngày 17 tháng 01 năm 2025, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Chu Văn Q**, sinh năm 1988.

Nơi cư trú: Xóm L 1, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Cao Lan; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Chu Văn H và bà Nguyễn Thị A; có vợ là Tạ Thị P; Có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày nào. Hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, đang tại ngoại tại địa phương.

(Có mặt)

Bị hại: Ông Nguyễn Đắc S, sinh năm 1949 (đã chết)

Người đại diện hợp pháp của bị hại:

1. Bà Lương Thị T, sinh năm 1951

Nơi cư trú: Tổ dân phố T, thị trấn Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt uỷ quyền cho anh B)

2. Anh Nguyễn Lương B, sinh năm 1979.

Nơi cư trú: 6/6 Phan Ngừ, phường Đ, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

3. Chị Nguyễn Thị Tổ U, sinh năm 1973

Nơi cư trú: 6/6 Phan Ngừ, phường Đ, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt uỷ quyền cho anh B)

4. Chị Nguyễn Thị Kim K, sinh năm 1975

Nơi cư trú: 6/6 Phan Ngừ, phường Đ, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt uỷ quyền cho anh B)

5. Chị Nguyễn Thị Khánh C, sinh năm 1977

Nơi cư trú: 6/6 Phan Ngừ, phường Đ, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt uỷ quyền cho anh B)

Người đại diện theo uỷ quyền cho người đại diện hợp pháp của bị hại:

Anh Nguyễn Lương B, sinh năm 1979.

Nơi cư trú: 6/6 Phan Ngừ, phường Đ, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Chị Tạ Thị P, sinh năm 1989.

Nơi cư trú: Xóm L 1, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

Người làm chứng: Chị Dương Thị L, sinh năm 1988.

Nơi cư trú: Xóm N, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 20/6/2024, Chu Văn Q (có giấy phép lái xe hạng D có thời hạn sử dụng đến ngày 02/12/2024) điều khiển xe ô tô khách, nhãn hiệu FORD TRANSIT, BKS: 20B-023.72, ngồi bên ghế phụ có chị Dương Thị L (sinh năm 1988, nơi cư trú: xóm N, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên) tham gia giao thông trên đường Quốc lộ 3 theo hướng từ thành phố T đi tỉnh Bắc Kạn. Khi đi đến Km 77+550 đoạn thuộc xóm 8, xã S, thành phố T, Q điều khiển xe ô tô rẽ phải vào Trạm xăng dầu số 3 S để đổ dầu. Khoảng 11 giờ 50 phút cùng ngày, Q tiếp tục điều khiển xe ô tô BKS: 20B-023.72 đi từ Trạm xăng dầu số 3 S nhập vào làn đường theo hướng đi tỉnh Bắc Kạn, do không chú ý quan sát nên Q không phát hiện thấy xe mô tô BKS: 20M1-2483 do ông Nguyễn Đắc S (sinh năm 1949,

nơi cư trú: TDP T, thị trấn Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên) điều khiển đang đi thẳng trên đường Quốc lộ 3 theo hướng thành phố T đi tỉnh Bắc Kạn dẫn đến phần đầu bên phải xe mô tô BKS: 20M1-2483 đâm va vào phần tai xe phía trước bên trái xe ô tô BKS: 20B-023.72 làm ông S bị ngã đập người xuống mặt đường. Sau vụ tai nạn, Q đưa ông S đến Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên cấp cứu và trình báo Cơ quan Công an đến giải quyết.

- Hậu quả: Ông Nguyễn Đắc S bị đa chấn thương, tử vong hồi 5 giờ ngày 27/6/2024;

- Tại biên bản kiểm tra nồng độ cồn ngày 20/6/2024 đối với Chu Văn Q là 0,000mg/L.

- Xe ô tô BKS: 20B-023.72 và xe mô tô BKS: 20M1-2483 bị hư hỏng.

- Sau khi xảy ra tai nạn, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã tiến hành khám nghiệm hiện trường và dựng lại hiện trường thu thập dấu vết, xác định nguyên nhân xảy ra vụ tai nạn.

1. Hiện trường chung: Hiện trường nơi xảy ra vụ tai nạn thuộc km77+1550 đường Quốc lộ 3, mặt đường phẳng, trải nhựa rộng 11,5m là khu vực cong cua trái hướng Thái Nguyên - Bắc Kạn, ở giữa có vạch kẻ sơn vàng, mờ chia đôi chiều đường xe chạy. Bên phải đường hướng Thái Nguyên - Bắc Kạn có trạm xăng dầu số 3 S là khu vực đông dân cư sinh sống.

2. Ghi nhận việc đánh số thứ tự theo số tự nhiên vị trí nạn nhân, phương tiện, tang vật, dấu vết.

- Vị trí (1) là vết cày trượt trên mặt đường.

- Vị trí (2) là xe mô tô BKS 20M1-2483.

- Vị trí (3) là xe ô tô BKS 20B-023.72.

3. Xác định điểm mốc và một trong các mép đường nơi xảy ra tai nạn làm chuẩn: Xác định điểm mốc là cột mốc H5/77 lấy mép đường bên phải hướng Thái Nguyên - Bắc Kạn làm mép đường chuẩn. Đo các vị trí, dấu vết hướng vuông góc vào mép đường.

4. Mô tả theo số thứ tự phương tiện, tang vật, dấu vết:

- Vị trí (1) là vết cày trượt trên mặt đường KT 9,6 x 0,01m chiều hướng Thái Nguyên-Bắc Kạn. Đo điểm đầu vết cày vào mép đường chuẩn là 3,0m; điểm cuối vết cày nằm tại đầu bàn đạp chân trước bên trái xe (2);

- Vị trí (2) là xe mô tô BKS 20M1-2483 nằm đổ nghiêng bên trái xuống mặt đường. Đầu xe chệch mép trái đường hướng Thái Nguyên- Bắc Kạn; đuôi xe chệch hướng mép phải đường. Đo tâm trục bánh trước và bánh sau của xe (2) vào mép chuẩn lần lượt là 5,4m và 4,3m;

- Vị trí (3) là xe ô tô BKS 20B-023.72 đang đỗ trên mặt đường. Đầu xe chệch hướng Bắc Kạn, đuôi xe chệch hướng Thái Nguyên. Đo tâm trục bánh trước bên phải và tâm trục bánh sau bên phải của xe (3) vào mép đường chuẩn lần lượt là 0,2m và 0,1m;

- Đo từ điểm đầu (1) đến vạch sơn giữa đường là 2,4m. Điểm đầu (1) cách tâm lối mở của trạm xăng số 3 S là 13,8m. Điểm đầu (1) cách tâm trục bánh sau bên phải của (3) là 7,6m;

- Đo tâm trục bánh sau (2) đến tâm trục bánh trước bên phải của (3) là 1,8m;

- Đo tâm trục bánh sau bên phải (3) đến cột mốc H5/77 là 29,6m.

Kết quả khám nghiệm phương tiện liên quan đến tai nạn giao thông là xe ô tô BKS: 20B-023.72

- Mặt ngoài bên trái tai xe trước có 01 vùng lõm bẹp kim loại kích thước 70cm x 50cm chiều hướng từ trái qua phải, trên vùng này có 01 vết mài trượt màu đen (nghỉ là cao su) kích thước 15 x 2,5cm chiều hướng từ sau về trước. Điểm đầu cách mặt đất 94cm trên vùng này có 01 vết mài trượt xước kim loại kích thước 43 x 0,01cm chiều hướng từ sau về trước. Điểm đầu cách mặt đất 91cm, điểm cuối cách mặt đất 79cm;

Tại mặt ngoài bên trái bánh lốp trước bên trái và vành la răng có 01 vết mài trượt xước kim loại, mài trượt cao su kích thước 20 x 5cm. Chiều hướng từ tâm trục bánh xe ra ngoài mặt lặn. Đo ngược chiều kim đồng hồ điểm gần nhất cách chân van 46cm.

An toàn kỹ thuật của phương tiện: Hệ thống cột, đèn, phạn, còi còn hiệu lực; hệ thống gạt mưa còn hiệu lực; hệ thống đèn xi nhan hai bên còn hiệu lực.

Kết quả khám nghiệm phương tiện liên quan đến tai nạn giao thông là xe mô tô BKS: 20M1-2483:

- Mặt trước đầu tay nắm bên phải có một vết mài trượt cao su kích thước 3 x 0,5cm chiều hướng từ trước về sau. Điểm thấp nhất và cao nhất cách mặt đất lần lượt là 91cm và 93cm;

- Mặt trước đầu tay phanh bên phải có vết mài trượt kim loại kích thước 1cm x 1cm chiều hướng từ trước về sau. Điểm thấp và cao nhất cách đất lần lượt là 92cm và 93cm;

- Phần đầu cầu phanh chân bị mài trượt lõm kim loại kích thước 1,5 x 2cm chiều hướng từ trước về sau. Điểm thấp nhất và cao nhất cách đất lần lượt là 22cm và 24cm;

- Mặt trước đầu để chân trước phải có vết mài trượt cao su kích thước 3 x 3cm chiều hướng từ trước về sau. Điểm thấp và cao nhất cách mặt đất lần lượt là 29cm và 31cm;

- Đầu để chân trước trái bị mài mòn cao su kim loại kích thước 2cm x 1,5cm;

+ An toàn kỹ thuật của phương tiện:

- Hệ thống còi, đèn, phanh tay, phanh chân còn hiệu lực (sau khi khám nghiệm có chụp ảnh).

- Tại Bản kết luận giám định pháp y tử thi số 866/KLGĐTT-KTHS ngày 29/7/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Thái Nguyên kết luận ông Nguyễn Đắc S bị chấn thương sọ não, vỡ xương chẩm, dập não thùy trán, xuất huyết dưới nhện, phù não, tràn máu não thất gây tổn thương thần kinh trung ương không hồi phục dẫn đến chết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 139/KL-HĐĐGTS ngày 03/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự TP. T kết luận: Giá trị thiệt hại của xe ô tô nhãn hiệu FORD; Số loại TRANSIT; BKS 20B-023.72; YAMAHA; BKS 20M1-2483; màu sơn Đen bạc; Số khung: Y009649; Số máy 5C63-009649. Giá trị thiệt hại 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng).

Căn cứ vào biên bản khám nghiệm hiện trường; Biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến vụ tai nạn giao thông; Biên bản khám nghiệm tử thi; Kết luận giám định đã đủ căn cứ để xác định nguyên nhân xảy ra vụ tai nạn giao thông là do Q điều khiển xe ô tô khách nhãn hiệu FORD; Số loại TRASIT BKS 20B-023.72 tham gia giao thông trên đường Quốc lộ 3, hướng Thái Nguyên đi Bắc Kạn. Quá trình điều khiển xe tham gia giao thông khi chuyển hướng đã không chú ý quan sát, chuyển hướng không đảm bảo an toàn cho người và phương tiện khác dẫn đến va chạm với xe mô tô BKS 20M1-2483 do ông Nguyễn Đắc S điều khiển. Hậu quả làm ông S bị thương nặng dẫn đến tử vong. Xe mô tô BKS 20M1- 2483 bị hư hỏng với giá trị thiệt hại là 500.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên và đã bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại 230.000.000đồng.

Cáo trạng số 369/CT-VKS-TPTN ngày 29/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T truy tố Chu Văn Q về tội: “*Vì phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật hình sự.

Trong phần tranh luận, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố T sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ, nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ,

tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, giữ quan điểm truy tố và đề nghị với Hội đồng xét xử: Tuyên bố Chu Văn Q phạm tội: “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS. Xử phạt Chu Văn Q từ 18 đến 24 tháng tù cho hưởng án treo và đề nghị Hội đồng xét xử án định thời gian thử thách. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại đã thỏa thuận bồi thường thiệt hại 230.000.000 đồng, phía gia đình bị hại không yêu cầu gì thêm nên không đề nghị xem xét.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Trả lại cho bị cáo Chu Văn Q: 01 Giấy phép lái xe hạng D số 190162006892 mang tên Chu Văn Q, có giá trị đến 02/12/2024; 01 xe ô tô nhãn hiệu FORD; Số loại: TRANSIT; BKS: 20B-023.72; Màu sơn: Ghi hồng, Số khung: TMGCEJR32259, Số máy: RATORQ4D243H. 01 Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 063546, Biển đăng ký 20B-023.72. 01 Giấy chứng nhận kiểm định số DB 1828655, Biển đăng ký 20B-023.72. 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc của chủ xe ô tô số: 2400111744 của Biển đăng ký 20B-023.72. Quá trình điều tra xác định chiếc xe trên đăng ký mang tên Nguyễn Thị N (sinh năm 1970, trú tại: Thị trấn G, huyện P, tỉnh Thái Nguyên), bà Nhung đã bán cho Chu Văn Q vào đầu năm 2024.

Đối với 01 Giấy phép lái xe hạng A1 số 6093-20A mang tên Nguyễn Đắc S; 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, BKS: 20M1-2483, Màu sơn: Đen-Bạc, Số khung: Y009649, Số máy: 5C63-009649; 01 Đăng ký mô tô, xe máy số 009562, BKS 20M1-2483 tên chủ xe: Nguyễn Đắc S. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh Nguyễn Lương B (sinh năm 1979, trú tại 16/6 Phan Ngừ, phường Đ, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh) là con trai của ông S quản lý, sử dụng.

Về án phí: Bị cáo Q phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Phản tranh luận: Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với Kiểm sát viên. Lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được cải tạo tại địa phương để có cơ hội sửa chữa lỗi lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nên các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai đó có căn cứ chấp nhận vì đúng như cáo trạng truy tố, phù hợp với chính lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, sơ đồ hiện trường, Biên bản khám nghiệm hiện trường; Biên bản khám nghiệm tử thi; Biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến tai nạn giao thông; Kết luận giám định pháp y; Kết luận định giá tài sản; Lời khai của người chứng kiến; Lời khai của người đại diện hợp pháp của bị hại và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Khoảng 11 giờ 50 phút ngày 20/6/2024, tại Km 77+550 đường Quốc lộ 3 hướng Thái Nguyên - Bắc Kạn, đoạn thuộc xóm 8, xã S, thành phố T. Bị cáo Chu Văn Q (có giấy phép lái xe ô tô hạng D), đã có hành vi điều khiển xe ô tô BKS 20B-023.72 không tuân thủ luật giao thông đường bộ, chuyển hướng không đảm bảo an toàn cho người và phương tiện khác dẫn đến xe ô tô do Q điều khiển đâm va với xe mô tô BKS 20M1- 2483 do ông Nguyễn Đắc S điều khiển. Hậu quả: ông S bị thương nặng và tử vong hồi 05 giờ 00 phút ngày 27/6/2024. Xe mô tô BKS 20M1- 2483 bị hư hỏng với giá trị thiệt hại là 500.000 đồng.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ để xác định về lỗi của bị cáo dẫn đến vụ tai nạn giao thông như sau: Bị cáo Q khi điều khiển phương tiện tham gia giao thông khi chuyển hướng đã không chú ý quan sát, chuyển hướng không đảm bảo an toàn cho người và phương tiện khác dẫn đến va chạm với xe mô tô BKS 20M1-2483 do ông Nguyễn Đắc S điều khiển.

Hành vi của các bị cáo Chu Văn Q đã vi phạm khoản 2 Điều 15 Luật Giao thông đường bộ.

Luật Giao thông đường bộ quy định:

Điều 15. Chuyển hướng xe

“1. ...

2. Trong khi chuyển hướng, người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng phải nhường quyền đi trước cho người đi bộ, người đi xe đạp đang đi trên phần đường dành riêng cho họ, nhường đường cho các xe đi ngược chiều và chỉ cho xe chuyển hướng khi quan sát thấy không gây trở ngại hoặc nguy hiểm cho người và phương tiện khác”.

Như vậy, bị cáo Q đã vi phạm một quy định khi tham gia giao thông đường bộ, là nguyên nhân dẫn đến vụ tai nạn giao thông.

Hành vi của bị cáo Chu Văn Q đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật hình sự.

Điều 260 của Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) Làm chết người ”.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T truy tố bị cáo Chu Văn Q về tội danh và điều luật viện dẫn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3]. Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi vô ý, đã trực tiếp xâm phạm đến an toàn và sự hoạt động bình thường của các phương tiện giao thông đường bộ, xâm phạm đến tính mạng và tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ. Hành vi đó của bị cáo cần phải xử lý nghiêm minh để răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

Xét nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo là người có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại; gia đình bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự và bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

Xét thấy, bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu; bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hành vi phạm tội của bị cáo là lỗi vô ý, nên HĐXX thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt cách ly tạm thời bị cáo khỏi xã hội, mà cần

áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo, để bị cáo được cải tạo dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo, đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật hình sự nhà nước ta.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung cấm hành nghề lái xe đối với bị cáo.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Quá trình giải quyết vụ án bị cáo Q đã tự nguyện bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 230.000.000 đồng, tại phiên toà chị P là vợ bị cáo cũng xác định khoản tiền này là tài sản chung của vợ chồng đã bồi thường cho gia đình bị hại, nay chị không có ý kiến gì. Người đại diện hợp pháp của bị hại trong đơn xin xét xử vắng mặt không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Xét thấy, việc thoả thuận và đề nghị của các bên là tự nguyện không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên cần chấp nhận.

[6]. Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 Giấy phép lái xe hạng A1 số 6093-20A mang tên Nguyễn Đắc S; 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, BKS: 20M1-2483, Màu sơn: Đen-Bạc, Số khung: Y009649, Số máy: 5C63-009649; 01 Đăng ký mô tô, xe máy số 009562, BKS 20M1-2483 tên chủ xe: Nguyễn Đắc S. Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã trả lại cho anh Nguyễn Lương B (sinh năm 1979, trú tại 16/6 Phan Ngừ, phường Đ, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh) là con trai của ông S quản lý và sử dụng là phù hợp, HĐXX không xem xét.

- Đối với 01 Giấy phép lái xe hạng D số 190162006892 mang tên Chu Văn Q, có giá trị đến 02/12/2024; 01 xe ô tô nhãn hiệu FORD; Số loại: TRANSIT; BKS: 20B-023.72; Màu sơn: Ghi hồng, Số khung: TMGCEJR32259, Số máy: RATORQ4D243H. 01 Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 063546, Biển đăng ký 20B-023.72; 01 Giấy chứng nhận kiểm định số DB 1828655, Biển đăng ký 20B-023.72. 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc của chủ xe ô tô số: 2400111744 của BKS 20B-023.72. Quá trình điều tra xác định chiếc xe trên đăng ký mang tên Nguyễn Thị N (sinh năm 1970, trú tại: Thị trấn G, huyện P, tỉnh Thái Nguyên), bà N đã bán cho Q vào đầu năm 2024, xét thấy cần trả lại cho bị cáo Q là phù hợp.

[7]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên trong lời luận tội đối với bị cáo như: đề nghị về tội danh, về hình phạt, xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp là phù hợp với quy định của pháp luật cần chấp nhận.

[8]. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước.

[9]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo; Người đại diện hợp pháp của bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Chu Văn Q phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”

2. Về hình phạt: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt Chu Văn Q **18** (Mười tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là: **36** (Ba mươi sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Chu Văn Q cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 93 Luật thi hành án hình sự.

3. Ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú: Căn cứ Điều 123 Bộ luật tố tụng hình sự, ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Chu Văn Q, bị cáo không được phép đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày tuyên án cho đến khi phải chấp hành bản án. Giao bị cáo Q cho chính quyền địa phương nơi cư trú để quản lý, theo dõi trong thời gian bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Trả lại cho bị cáo Chu Văn Q: 01 (một) Giấy phép lái xe hạng D số 190162006892 mang tên Chu Văn Q, có giá trị đến 02/12/2024; 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu FORD, Số loại: TRANSIT; Loại xe: Ô tô khách; BKS: 20B-023.72; Màu sơn: Ghi hồng, Số khung: TMGCEJR32259; Số máy: RATORQ4D243H; Tình trạng đã qua sử dụng, xe bị hư hỏng, tổng thành máy, khung cùng thông số kỹ thuật; 01 (một) Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 063546, biển số đăng ký 20B-

023.72; Tên chủ xe: Nguyễn Thị N; 01 (một) Giấy chứng nhận kiểm định số DB 1828655, biển số đăng ký: 20B-023.72. Có hiệu lực đến ngày 19/11/2024; 01 (một) Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc của chủ xe ô tô số: 2400111744, tên chủ xe: Nguyễn Thị N, số biển kiểm soát: 20B-023.72. Thời hạn bảo hiểm: 21/6/2025.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng số 61 ngày 16/12/2024 giữa Công an thành phố T với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên).

5. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí lệ phí tòa án. Buộc bị cáo Chu Văn Q phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để nộp vào ngân sách Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP. T;
- Cơ quan điều tra CA TP. T;
- CQTHAHS Công an TP. T;
- CCTHA-DS TP. T;
- Bị cáo, NĐDHP, NLQ;
- Lưu: HS, VP, THAHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sái Đức Trung

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Xuân Viện Nguyễn Thị Tuyết Mai

Nguyễn Thái Sơn

